

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Quang Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Anh Dũng. 2. Ông Nguyễn Văn Kiềm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án huyện T.

- Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

ngày 31/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/11/2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/01/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Việt Th, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 04/11/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Th kết hôn ngày 10/8/2001, kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chị và anh Th ở tại nhà anh Th. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, kể từ tháng 5/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tin tưởng nhau, nên trong cuộc sống thường xảy ra cãi cọ với nhau. Hiện vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng sinh hoạt riêng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài. Do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

- *Về con chung*: Vợ chồng sinh được 02 con chung là Nguyễn Thị Thân Th, sinh ngày 25/10/2001 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/01/2012. Nay con Th đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết, chị xin được trực tiếp nuôi con H và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Nguyễn Viết Th đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh Th đều vắng mặt tại các buổi làm việc và các phiên tòa (không có lý do).

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và bố đẻ anh Th được biết: Chị L và anh Th hiện đang cư trú tại thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang; chị L và anh Th kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; nguyên nhân mâu thuẫn chính giữa vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, nên thường xuyên xảy ra cãi cọ với nhau, hiện vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng sinh hoạt riêng.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do chính đáng. Anh Tháng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên trình bày quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của BLTTDS như: Xác định đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo khoản 1 Điều 28; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự theo khoản 2, khoản 3 Điều 68; xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ đúng quy định từ các điều 93 đến 97; đảm bảo thời hạn xét xử theo Điều 203, Điều 204 của BLTTDS. Chị L thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Anh Th không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho Chị L được ly hôn anh Th.

- *Về con chung*: Giao cho chị L trực tiếp nuôi con Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/01/2012. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí*: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị L đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Th không thực hiện quyền,

nghĩa vụ tố tụng của mình mặc dù đã được giao các văn bản tố tụng hợp lệ và vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Giữa chị L và anh Th xác lập quan hệ hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn giữa chị L và anh Th là do bất đồng trong quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa; nên xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, đời sống chung không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó chị L xin ly hôn anh Th là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị L và anh Th sinh được 02 con chung là Nguyễn Thị Thân Th, sinh ngày 25/10/2001 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/01/2012. Khi giải quyết vụ án về ly hôn này cần xem xét đến quyền lợi của các bên đương sự nhất là quyền lợi mọi mặt của trẻ em. Cháu Th đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Chị L xin được trực tiếp nuôi cháu H vì chưa đủ 18 tuổi.

Xét điều kiện nuôi con thấy: Chị L có thu nhập ổn định; hiện cháu Th và cháu H đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường; mặt khác cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ. Để ổn định tâm sinh lý, điều kiện nuôi dưỡng con sau ly hôn, cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con như hiện nay là phù hợp với các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung*: Do chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] *Về án phí*: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 01 Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Viết Th.

2. *Về con chung*: Giao chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh H, sinh ngày 27/01/2012. Anh Nguyễn Viết Th được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh Th thực hiện quyền này.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0011932 ngày 08/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang; Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS T;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Giáp Quang Huy